

+ Đạt tỷ lệ so với tổng số hộ	%	94,26	94,00	94,00	95,50	97,51	95,99	92,51	91,99	93,49	96,48	95,01	97,51	94,00	96,98	95,92	85,06	77,02	94,03	
5. Đơn vị đạt chuẩn văn hóa																				
- Đơn vị đăng ký	Đơn vị	181																		
- Được công nhận	Đơn vị	176																		
+ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bệnh viện	Đơn vị	62																		
+ Xã, thị trấn	Đơn vị	16																		
+ Trạm y tế cơ sở	Đơn vị	16																		
+ Trường học thuộc huyện	Đơn vị	82																		
IV. Lao động - TBXH																				
1. Chương trình xóa đói giảm nghèo																				
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	1,20																		
2. Giải quyết việc làm	Người	3.100	250	250	250	250	250	260	200	260	200	200	200	200	200	200	20	30	30	50
- Trong đó, Số người được vay vốn quỹ QGHTVL	Người	150	10	10	10	10	10	10	10	10	15	15	15	10	15	0	0	0	0	
3. Tuyển mới đào tạo nghề	Người	850	50	50	50	50	50	60	50	60	50	50	50	50	50	50	40	40	50	50
- Trong đó, đào tạo nghề cho lao động NT	Người	850	50	50	50	50	50	60	50	60	50	50	50	50	50	50	40	40	50	50
4. Xây dựng xã, thị trấn phù hợp trẻ em	Xã, thị trấn	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tỷ lệ so với tổng số	%	100																		
- Trong đó, số xã, thị trấn đạt chuẩn	Xã, thị trấn	14	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				
Tỷ lệ so với tổng số xây dựng xã, thị trấn	%	82,4																		
C. Quốc phòng địa phương																				
Giao quân	Công dân	212	18	17	20	19	17	16	15	18	11	10	11	8	10	7	5	5	5	

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu giao cho các phòng, ban thuộc UBND huyện.